

VẤN ĐỀ THỜI CƠ TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Vũ Dương Ninh*

Trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, vấn đề giành được và tận dụng đúng thời cơ là một yếu tố vô cùng quan trọng. Điều đó đã được kiểm nghiệm trong thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, trong chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bài viết này đề cập đến vấn đề thời cơ cách mạng từ một khía cạnh khác - thời cơ của sự hội nhập quốc tế, nhìn từ những kinh nghiệm lịch sử nước nhà trong thế kỷ XX.

1. Ngay từ lớp huấn luyện đầu tiên cho lực lượng thanh niên cách mạng năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên một luận điểm quan trọng: Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Có lẽ ngày nay, chúng ta đều coi điều đó là bình thường, hầu như là tất nhiên. Nhưng trở lại những trang sử đấu tranh chống xâm lược cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX thì có thể thấy rằng các nhà yêu nước tiền bối chưa hẳn đã nhận ra chân lý này. Ngay đến phong trào có quy mô lớn như Cần Vương thì các nhà lãnh đạo khi đó cũng chưa có ý niệm về tầm nhìn quốc tế.

Các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX đã mở ra phong trào Đông du, muốn tìm con đường mới theo trào lưu duy tân, cải cách tư sản ở bên ngoài. Cụ Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng mới đó, đã vượt qua ý thức hệ phong kiến mà bắt đầu tiếp nhận trào lưu tư sản tuy còn rất hạn chế. Hoạt động của các cụ đã làm dấy lên một phong trào sôi động về ý thức dân tộc, thức tỉnh tinh thần yêu nước trong quần chúng nhân dân, chuẩn bị đào tạo một lực lượng trẻ làm nòng cốt cho sự nghiệp cứu nước, muốn đưa phong trào yêu nước hội nhập vào trào lưu chung của thế giới. Nhưng những nỗ lực đó đều không thành hiện thực. Có nhiều nguyên do dẫn đến sự thất bại, song một điều khá rõ là khi đó không có được thời cơ thuận lợi cho sự hội nhập. Quả vậy, khi phong trào Đông du hướng về Nhật Bản, thì đất nước này đã tiến hành cải cách được gần 4 thập kỷ, đã vượt

* Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

qua nguy cơ bị nô dịch và bước vào hàng ngũ đế quốc, tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược với nhà Thanh (1894), với nước Nga (1905), nghĩa là nước Nhật đã thực sự trở thành một đế quốc với tham vọng bành trướng vùng Đông Á nên chính phủ Nhật dễ dàng bắt tay với thực dân Pháp để loại trừ các nhà cách mạng Việt Nam ra khỏi đất nước họ. Cơ hội mà phong trào Đông du trông đợi ở nước Nhật của thời Duy tân Minh Trị đã qua gần nửa thế kỷ rồi!

2. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, với luận điểm cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã nắm bắt trào lưu mới của lịch sử sau Cách mạng tháng Mười Nga để đưa đất nước đi theo con đường cách mạng vô sản. Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản vừa làm nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc, vừa tham gia mặt trận chống phát xít của nhân dân thế giới. Nhờ vậy, Đảng đã chớp được thời cơ khi phát xít Nhật đầu hàng để giành chính quyền về tay nhân dân, tuyên bố thành lập quốc gia độc lập. Ngay sau đó, trên cương vị Chủ tịch Nhà nước Cộng hoà Dân chủ, Hồ Chí Minh đã gửi thư đến các cường quốc kêu gọi 2 điều: công nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH) vào Liên hợp quốc. Nhưng trong bối cảnh thế giới đang diễn ra quá trình sắp xếp lại lực lượng sau chiến tranh, đồng minh cũ đang chuyển hoá thành đối thủ thì lời kêu gọi trên không được đáp trả. Phải đến năm 1949 - 1950, sự phân hoá hai cực bộc lộ rõ với sự ra đời các nhà nước có chế độ chính trị đối lập nhau ở Đông Âu và Tây Âu, Đông và Tây nước Đức, Bắc và Nam Triều Tiên, nhất là sự thành lập Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thì yêu cầu khách quan đặt ra là Việt Nam phải xác lập cho mình một chỗ đứng trên bình diện quốc tế. Trong sự đối đầu giữa hai phe ngày càng gay gắt thì đây chính là thời cơ quan trọng và thuận lợi để Việt Nam quyết định hội nhập vào thế giới xã hội chủ nghĩa (XHCN). Sự thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 giữa nước ta với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác đã khẳng định lập trường của Việt Nam trong thế trận quốc tế đầy phức tạp đó. Chính sự hội nhập này đã được tiến hành đúng thời cơ khi sự phân hoá 2 hai cực đã rõ ràng, và nhờ vậy giành được sự đồng tình ủng hộ của các nước XHCN, tạo nên một nhân tố quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ đến thắng lợi.

Thực ra, trong suốt cuộc trường chinh đó, không phải bao giờ nhân tố quốc tế cũng là thuận lợi. Đó là khi Việt Nam rơi vào thế bị bao vây, hầu như cô lập với thế giới bên ngoài sau ngày Độc lập; khi các nước lớn của hai phe theo đuổi sách lược hoà hoãn, nhân nhượng lẫn nhau; khi mâu thuẫn nội bộ phe XHCN mà chủ yếu là mâu thuẫn giữa hai Đảng lớn ngày càng trở nên gay gắt, nhất là khi họ cùng bắt tay đế quốc Mỹ để chơi trò “quan hệ tam giác” nhằm chống phá

lẫn nhau. Trong tất cả các trường hợp đó, vấn đề Việt Nam luôn bị đặt lên bàn các cuộc mặc cả chính trị giữa các nước lớn. Song giữ vững mục tiêu đấu tranh vì độc lập và thống nhất, vận dụng mềm dẻo sách lược thêm bạn bớt thù, kết hợp nhuần nhuyễn cuộc đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, Đảng đã đưa con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, nắm bắt thời cơ thuận lợi nhất để từng bước giành thắng lợi, tiến đến toàn thắng vào mùa Xuân 1975. Bài học đúc kết được chính là sự phát huy yếu tố bên trong và tận dụng yếu tố bên ngoài, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó chính là cẩm nang của sự hội nhập quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam hợp lưu cùng dòng chảy chung của nhân loại.

3. Sau 30 năm tiến hành chiến tranh cách mạng, nước Việt Nam thống nhất bước vào thời kỳ khôi phục và xây dựng trong điều kiện hoà bình. Khi đó, thời cơ hội nhập rộng mở trên con đường đi tới, song hình như lịch sử lại diễn ra những điều tưởng như nghịch lý. Nhìn lại năm 1945, nhà nước VNDCCH mới ra đời, chưa được quốc tế công nhận, phải tiến hành cuộc kháng chiến không cân sức và có phần đơn độc. Nhưng chỉ 5 năm sau, tình thế cô lập bị phá vỡ, cách mạng Việt Nam nối liền với phong trào cách mạng thế giới, nước Việt Nam hội nhập vào trào lưu chung của các dân tộc đấu tranh vì độc lập và tiến bộ. Bên cạnh những biến chuyển thuận lợi của trào lưu cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt kịp thời vận hội khi đưa cuộc kháng chiến gắn vào trào lưu chung của cuộc đấu tranh chống đế quốc trên toàn thế giới, khi công khai khẳng định mục tiêu đấu tranh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khi xác định lập trường đứng hẳn về phe XHCN.

Với thắng lợi năm 1975, nước Việt Nam thống nhất đã thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, gia nhập Liên hợp quốc và bước đầu mở ra quan hệ thương mại, văn hoá trong khu vực Đông Nam Á. Nhưng chưa đầy 5 năm sau, tình hình hầu như bị đảo ngược, quan hệ đối ngoại của nước ta xấu đi chưa từng thấy. Vẫn còn đó mối mâu thuẫn với chủ nghĩa đế quốc, song phải chăng là bất ngờ khi phải đối mặt với cuộc xung đột giữa những đồng minh năm xưa, giữa những quốc gia đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo? Từ vị thế rất cao trên trường quốc tế, từ bối cảnh thuận lợi cho sự hội nhập, nước ta rơi vào tình thế bị bao vây với quy mô lớn hơn, với sự xiết chặt ác liệt hơn so với những năm cuối của thập kỷ 40. Vậy điều gì đã xảy ra, câu hỏi đó vẫn chưa có lời giải chính thức. Song cái thực tế bỏ lỡ thời cơ hội nhập, dấu sao cũng là bài học đáng suy ngẫm để rút kinh nghiệm cho mai sau.

Nhưng từ giữa thập niên 80, thế giới chuyển động theo chiều hướng mới, từ đối đầu chuyển sang đối thoại mà trước hết là sự hoà dịu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. Điều đó gây tác động mạnh mẽ đến Đông Nam Á, nơi đang là điểm nóng có liên quan đến lợi ích của nhiều quốc gia bên trong và bên ngoài

khu vực. Xu hướng mới đó đã tạo nên thời cơ để hai khối nước Đông Dương và ASEAN xích lại gần nhau, giảm thiểu sự bất đồng, kiếm tìm sự hoà giải. Đảng ta đã nắm bắt đúng thời cơ này để đưa đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng, cải thiện quan hệ đối ngoại, từng bước hội nhập quốc tế. Đường lối quốc tế và hoạt động đối ngoại trong thời gian 1986 - 1991, thời gian giữa hai Đại hội Đảng lần VI và lần VII, có ý nghĩa rất quyết định, tạo đà cho sự phát triển tiếp sau.

Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật và đổi mới tư duy, Đảng đã định ra đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới của cách mạng. Trong thời gian này, sự tồn tại của phe XHCN vẫn còn đó, Đảng vẫn khẳng định quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” nhưng đã ý thức về sự cần thiết mở rộng cánh cửa hội nhập với thế giới. Đặc biệt, Hội nghị Bộ Chính trị lần thứ 13 (5/1988) đã đánh giá một cách cơ bản những biến động của thế giới, những xu hướng mới đang xuất hiện và đối sách của Việt Nam với phương châm đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá. Từ điểm đột phá rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia (1989), vấn đề Campuchia được giải quyết từng bước cùng với việc cải thiện quan hệ đối ngoại: khôi phục hoạt động giao lưu với các nước Đông Nam Á, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, thiết lập quan hệ ngoại giao với EC (sau là EU), thoả thuận về Lộ trình 4 giai đoạn với Hoa Kỳ, tăng cường quan hệ với Nhật Bản, Australia, New Zealand và nhiều nước khác. Với những kết quả bước đầu đó, Đại hội VII (6/1991) chính thức tuyên bố: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.”.

Lưu ý rằng việc định hướng và thực thi đường lối đối ngoại theo tinh thần đổi mới diễn ra trong khoảng thời gian trước khi Nhà nước XHCN Liên Xô tan rã. Sự kết thúc chế độ Xôviết sau gần 3/4 thế kỷ tồn tại là một thách thức rất lớn đối với nước ta, chẳng những về mặt chính trị và kinh tế mà cả về mặt tư tưởng và quan hệ đối ngoại. Các lực lượng đối lập chờ đợi một biến động tương tự sẽ diễn ra ở Việt Nam vào năm tiếp theo nhưng điều đó đã không xảy ra. Trái lại, nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã vượt qua được thách thức vô cùng hiểm nguy đó, tiếp tục mở rộng quan hệ với thế giới, khởi đầu bằng việc tham gia ký Hiệp định Thân thiện và Hợp tác Bali (7/1992), trở thành quan sát viên của ASEAN. Và tiếp sau đó là các chuyến viếng thăm lẫn nhau giữa các nhà lãnh đạo Việt Nam với nguyên thủ các nước ở Tây Âu, Đông Nam Á, Trung Quốc, Nhật Bản và nhiều nước khác, tạo nên bầu không khí hữu nghị, mở ra khả năng thương mại và đầu tư rộng lớn. Tình trạng bao vây cấm vận được tháo gỡ dần để đến tháng 7 năm 1995, Việt Nam gạt hái một vụ mùa bội thu về đối ngoại: ngày 11 thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ; ngày 17 ký Hiệp định khung với EU; ngày 28 gia nhập ASEAN, là thành viên thứ 7 của Hiệp hội.

Như vậy, trên chặng đường 10 năm Đổi mới đầu tiên, quan hệ đối ngoại của Việt Nam đã thực hiện thành công 2 việc lớn: giải toả khỏi tình trạng bị bao vây

cô lập và bước đầu hội nhập quốc tế. Một trong những nhân tố chủ yếu nhất dẫn đến thành công chính là Đảng ta nắm bắt được thời cơ của sự chuyển động tình hình từ bình diện thế giới đến phạm vi khu vực để từ đó hoạch định đối sách đúng đắn và thích hợp của Việt Nam. Đặt giả thiết rằng nếu như trong những năm cuối thập niên 80 không có một cách nhìn mới để định ra đường lối Đổi mới thì sau khi Liên Xô tan rã, vận mệnh đất nước sẽ ra sao? Chắc chắn rằng trong quan hệ đối ngoại, Việt Nam sẽ rơi vào một tình thế hết sức bất lợi bởi vì chỗ dựa cũ không còn mà quan hệ mới chưa xác lập, chưa ra khỏi tình thế bị bao vây thì sợi dây cấm vận sẽ xiết chặt hơn nữa. Nhưng thực tiễn đã không diễn ra như vậy. Điều đó không phải là sự may rủi mà chính là do sự nắm bắt đúng thời cơ, điều chỉnh đúng chính sách đối ngoại và thực thi đúng phương châm rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá. Có thể nói đây là một thành công lớn, có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước và nhờ đó nước ta ngày càng hội nhập với thế giới, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

4. Từ sau tháng 7/1995, Việt Nam bước vào chính trường quốc tế với một tư thế mới, đã tham gia các tổ chức liên châu lục như Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), ký kết nhiều hiệp định quan trọng về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục và văn hoá với hầu hết các quốc gia, trong đó có tất cả các nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Liên bang Nga, EU... Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần VI, mở đầu cơ chế hợp tác ASEAN + 3, tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực khắc phục hậu quả khủng hoảng tiền tệ và góp phần thúc đẩy Hiệp hội tiến tới Cộng đồng ASEAN với Tầm nhìn 2020. Trên tiến trình hội nhập, Đảng xác định rõ hướng đi là chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Đường hướng đó đã đem lại nhiều kết quả khả quan thể hiện ở độ tăng trưởng cao và đều đặn hàng năm, trong sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, sự tăng cường vốn đầu tư của nước ngoài và sự cải thiện mức sống của nhân dân.

Bước vào năm thứ 20 của sự nghiệp Đổi mới và cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng lần thứ X, Việt Nam đang đứng trước những vận hội mới đồng thời với những thách thức mới. Có thể tóm tắt thời cơ ngày nay được thể hiện trong 3 nhân tố chính sau đây: Một, khu vực Đông Á và Đông Nam Á tiếp tục phát triển trong không khí hoà bình, an ninh và ổn định. Đã qua một thập kỷ rủi ro kể từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết, các nước trong khu vực đã ra khỏi tình trạng căng thẳng và nghi ngại, thay vào đó là mối quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đó là môi trường hoà bình tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, điều mà vào cuối những năm 80 được đặt ra như một mục tiêu phấn đấu. Chính đây là nhân tố cơ bản cho sự tập trung lực lượng xây dựng kinh tế và xã hội, cố gắng vượt qua đói

nghèo để trở thành một quốc gia công nghiệp. *Hai*, vị thế quốc tế của Việt Nam đã có sự thay đổi căn bản. Ngày nay, hình ảnh của Việt Nam được khắc hoạ như một nền kinh tế đang vươn tới với độ tăng trưởng cao, một thị trường hấp dẫn trong quan hệ thương mại và đầu tư, một địa chỉ an toàn đối với người nước ngoài, một nước chủ nhà đáng tin cậy đã tổ chức thành công Hội nghị ASEM 5 và đang chuẩn bị tích cực cho Hội nghị APEC. Sự tín nhiệm đó tạo nên một lợi thế quan trọng cần được khai thác đầy đủ trong quan hệ quốc tế. *Ba*, tiến trình toàn cầu hoá nói chung và xu hướng khu vực hoá ở Đông Nam Á và Đông Á nói riêng đang mở ra những khả năng để Việt Nam nhanh chóng hoà mình vào dòng chảy chung của nhân loại, xuất khẩu hàng hoá vào những thị trường rộng lớn có sức tiêu thụ cao, khai thác những khả năng về công nghệ tiên tiến phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhìn lại những năm trước, có thể nói những nhân tố trên chưa có được hoặc rất mờ nhạt khi đất nước bước vào cuộc hành trình đổi mới. Nhưng đến nay, đó chính là thời cơ để đẩy nhanh tiến độ hội nhập quốc tế.

Bao giờ cũng vậy, thời cơ không chỉ đem lại thuận lợi mà kèm theo đó thường tiềm ẩn không ít nguy cơ. Thời cơ là yếu tố khách quan, có nắm bắt được thời cơ hay không, có loại trừ được những mặt tiêu cực hay không lại là yếu tố chủ quan. Nhận thức được thời cơ là “điều kiện cần”, chuẩn bị sẵn sàng để đón bắt đúng thời cơ là “điều kiện đủ”, là yếu tố có tính quyết định. Vấn đề đặt ra vào tháng Tám 1945, vào tháng Tư 1975 chính là như vậy và vấn đề đặt ra hôm nay đối với dân tộc ta cũng là như vậy.

Nhìn thẳng vào sự thực, chúng ta đón nhận thời cơ trong thế yếu của một nền kinh tế đang phát triển, dù đã đạt nhiều thành tựu nhưng mức sống còn rất thấp so với độ trung bình của thế giới, nguy cơ tụt hậu vẫn còn đó, công cuộc đổi mới kinh tế và cải cách hành chính còn phải qua nhiều chặng đường vất vả, đội ngũ lao động và quản lý từ cấp thấp đến cấp cao đều chưa được chuẩn bị đầy đủ để ứng phó với những khó khăn khi bước vào WTO, khi hội nhập sâu vào thế giới. Rõ ràng là vào sân chơi lớn với những điều kiện rất khắt khe, đất nước ta trong thời cơ mới sẽ phải đối mặt với những thách thức vô cùng khắc nghiệt. Còn ngồn ngán biết bao việc phải làm trên chặng đường phía trước. Song yếu tố con người, sức mạnh của người DÂN vẫn là điều cơ bản nhất.

Tinh thần dân tộc Việt Nam đã từng thức tỉnh, tạo nên sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập, thống nhất. Đến nay, tình thế đòi hỏi phải thức tỉnh ý thức dân tộc trong sự nghiệp xây dựng đất nước, cảm nhận sâu sắc nỗi nhục của sự nghèo đói mà hậu quả không tránh khỏi là địa vị thấp hèn và phụ thuộc vào bên ngoài. Chắc chắn rằng tất cả công dân Việt Nam, không ai và không bao giờ chịu chấp nhận bị kích đó. Cho nên, bước vào chặng

đường mới của sự nghiệp Đổi mới, một công việc cấp thiết là phải động viên tinh thần quật khởi chống đói nghèo, tạo nên một khí thế mới trong lao động nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất và đời sống. Đương nhiên, sự động viên đó phải nhằm xây dựng một xã hội có kỷ cương, công bằng và minh bạch. Muốn phát huy đầy đủ vai trò và trách nhiệm của quần chúng với phương châm “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra” thì điều cần được khẳng định là kết quả cuối cùng phải thuộc về “Dân hưởng”. Chỉ khi đầy đủ 5 điều Dân (với chữ Dân viết hoa) thì mới tạo nên nguồn động lực vô biên chống đói nghèo, chống bất công, chống mọi tệ nạn xã hội. Không thể nào chấp nhận một nghịch lý là trong khi hàng triệu người lao động cần cù làm ra từng sản phẩm, gom góp từng đồng bạc thì lại có một số ít kẻ ăn cắp công quỹ, tiêu xài hàng tỷ đồng. Sự suy thoái về phẩm chất, sự sa đọa về đạo đức của số người đó đã đến mức báo động, nhất là khi nó xảy ra trong hàng ngũ những người có “quyền cao, chức trọng”, những người đã có một thời giờ tay tuyên thệ trước Đảng kỳ.

Cho nên, thời cơ đang ở ngay trước mắt, đang hiển hiện trong đời sống hằng ngày. Nhưng nắm bắt và tận dụng thời cơ lại là yếu tố chủ quan mà nhân dân gửi gắm và tin tưởng vào những quyết định của Đại hội Đảng lần thứ X sắp tới.

Hà Nội, tháng 2/2006